



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 73, ngày 10/12/2022

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0021413668	Phan Khả Ái	Nữ	09/5/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1
2	000002	0021410008	Nguyễn Thị Mỹ An	Nữ	22/10/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			12h30'	
3	000003	0021412033	Huỳnh Thị Nhân Anh	Nữ	27/01/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			12h40'	
4	000004	0021410028	Lê Thị Huế Anh	Nữ	16/01/2003	Vĩnh Long	P.501-C1			12h40'	
5	000005	0021412047	Nguyễn Ngọc Kim Anh	Nữ	13/5/2003	Kiên Giang	P.501-C1			12h50'	
6	000006	0015411811	Nguyễn Ngọc Lan Anh	Nữ	24/8/1997	Đồng Tháp	P.501-C1			12h50'	
7	000007	0021411146	Võ Chí Bảo	Nam	14/3/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h00'	
8	000008	0020410966	Ngô Tấn Bình	Nam	23/9/2002	Đồng Tháp	P.501-C1			13h00'	
9	000009	0021410056	Nguyễn Phạm Mỹ Bình	Nữ	25/7/2003	An Giang	P.501-C1			13h10'	
10	000010	0021411155	Phan Thanh Bình	Nam	24/9/2003	Tiền Giang	P.501-C1			13h10'	
11	000011	0021412139	Mai Việt Cường	Nam	03/8/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h20'	
12	000012	0021410087	Nguyễn Hải Đăng	Nam	03/12/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h20'	
13	000013	0021411173	Nguyễn Minh Đăng	Nam	14/4/2003	Kiên Giang	P.501-C1			13h30'	
14	000014	0021412156	Bùi Đặng Công Danh	Nam	04/9/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h30'	
15	000015	0021411184	Lê Hoàng Đạt	Nam	24/11/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h40'	
16	000016	0021411185	Nguyễn Thành Đạt	Nam	31/01/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h40'	
17	000017	0021410103	Nguyễn Thị Kiều Diễm	Nữ	20/8/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h50'	
18	000018	0021412185	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	13/01/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			13h50'	
19	000019	0021410124	Lê Anh Dũng	Nam	05/10/2002	Kiên Giang	P.501-C1			14h00'	
20	000020	0021410126	Cao Thị Thùy Dương	Nữ	01/10/2003	Bến Tre	P.501-C1			14h00'	
21	000021	0021411252	Trương Thị Ngọc Duyên	Nữ	29/10/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			14h10'	
22	000022	0021310090	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	18/10/2001	An Giang	P.501-C1			14h10'	
23	000023	0021410225	Trần Thị Bích Hạnh	Nữ	13/02/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			14h20'	
24	000024	0021410234	Nguyễn Ngọc Hậu	Nam	06/8/2003	Đồng Tháp	P.501-C1			14h20'	

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 73, ngày 10/12/2022

PHÒNG THI SỐ: 02

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0021410239	Cao Thị Mỹ	Hiền	Nữ	19/6/2003	Long An	P.502-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000026	0021413817	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	24/5/2003	Cà Mau	P.502-C1		12h30'		
3	000027	0021411305	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	22/6/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		12h40'		
4	000028	0021412390	Trương Mỹ	Hoa	Nữ	14/02/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		12h40'		
5	000029	0021410248	Nguyễn Hiếu	Hoà	Nam	29/6/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		12h50'		
6	000030	0021411310	Võ Thị Thanh	Hoà	Nữ	20/11/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		12h50'		
7	000031	0021412391	Hồ Ngọc Khánh	Hòa	Nữ	13/10/2003	An Giang	P.502-C1		13h00'		
8	000032	0019310026	Đặng Đức	Hoàng	Nam	11/12/2001	Bình Phước	P.502-C1		13h00'		
9	000033	0020410737	Huỳnh Thị Thu	Hương	Nữ	29/01/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h10'		
10	000034	0021410278	Hồ Hoàng	Huy	Nam	08/9/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h10'		
11	000035	0021411326	Huỳnh Thanh	Huy	Nam	19/01/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
12	000036	0021411341	Phan Thị Bích	Huyền	Nữ	04/6/2002	Đồng Tháp	P.502-C1		13h20'		
13	000037	0021410303	Võ Hồng	Huỳnh	Nữ	26/01/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h30'		
14	000038	0021412472	Nguyễn Minh	Kha	Nam	23/01/2003	Long An	P.502-C1		13h30'		
15	000039	0021410310	Hồ Quang	Khải	Nam	11/12/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h40'		
16	000040	0021410311	Lê Tuấn	Khải	Nam	24/8/2003	Vĩnh Long	P.502-C1		13h40'		
17	000041	0021412493	Trần Hoàng	Khang	Nam	03/5/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h50'		
18	000042	0021411368	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	Nữ	10/9/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		13h50'		
19	000043	0021411375	Thái Minh	Khánh	Nam	28/02/2003	Cà Mau	P.502-C1		14h00'		
20	000044	0021410326	Lâm Đăng	Khoa	Nam	31/8/2003	Trà Vinh	P.502-C1		14h00'		
21	000045	0021411378	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	07/6/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h10'		
22	000046	0021411383	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	25/4/2003	Long An	P.502-C1		14h10'		
23	000047	0021410343	Lê Minh Tuấn	Kiệt	Nam	07/01/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h20'		
24	000048	0021411391	Lê Quốc	Kiệt	Nam	04/5/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 73, ngày 10/12/2022

PHÒNG THI SỐ: 03

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000049	0021411392	Lê Tuấn Kiệt	Nam	04/11/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000050	087088000397	Nguyễn Văn Kiệt	Nam	27/9/1988	Đồng Tháp	P.503-C1		12h30'		
3	000051	0021411432	Nguyễn Phan Phước Lợi	Nam	21/8/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h40'		
4	000052	0021412629	Nguyễn Tấn Lực	Nam	29/3/2002	An Giang	P.503-C1		12h40'		
5	000053	0021411446	Phan Thị Chúc Ly	Nữ	24/02/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		12h50'		
6	000054	0021410427	Nguyễn Ngô Gia Mẫn	Nữ	13/10/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		12h50'		
7	000055	0021410449	Trần Ngọc Mỹ	Nữ	21/11/2003	Bến Tre	P.503-C1		13h00'		
8	000056	0021411479	Đoàn Duy Nam	Nam	22/5/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h00'		
9	000057	0021410468	Dương Thị Kim Ngân	Nữ	13/7/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h10'		
10	000058	0021411489	Huỳnh Võ Hiền Ngân	Nữ	03/01/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		13h10'		
11	000059	0010411339	Trần Hữu Nghĩa	Nam	18/7/1990	Đồng Tháp	P.503-C1		13h20'		
12	000060	0021411533	Huỳnh Thị Yến Ngọc	Nữ	27/9/2001	Tiền Giang	P.503-C1		13h20'		
13	000061	0021412782	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	07/6/2003	Bến Tre	P.503-C1		13h30'		
14	000062	0021412849	Đặng Thị Chúc Nhi	Nữ	27/4/2003	Cà Mau	P.503-C1		13h30'		
15	000063	0021410583	Lại Trần Uyển Nhi	Nữ	13/11/2001	Đồng Tháp	P.503-C1		13h40'		
16	000064	0021410589	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	02/5/2003	Bến Tre	P.503-C1		13h40'		
17	000065	0021410598	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	02/7/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		13h50'		
18	000066	0021412885	Thái Ngọc Nhi	Nữ	12/6/2003	Long An	P.503-C1		13h50'		
19	000067	0021412887	Thái Yến Nhi	Nữ	05/02/2003	Bạc Liêu	P.503-C1		14h00'		
20	000068	0021410623	Lê Thị Hà Như	Nữ	16/7/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		14h00'		
21	000069	0021410633	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	01/10/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h10'		
22	000070	0021413846	Nguyễn Thị Ngọc Như	Nữ	19/01/2003	Bến Tre	P.503-C1		14h10'		
23	000071	0020410382	Trần Thị Huỳnh Như	Nữ	04/5/2002	Đồng Tháp	P.503-C1		14h20'		
24	000072	0021410645	Võ Thị Như	Nữ	11/02/2003	Đồng Tháp	P.503-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 73, ngày 10/12/2022

PHÒNG THI SỐ: 04

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000073	0021411993	Phạm Minh	Nhựt	Nam	16/6/1998	Đồng Tháp	P.504-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000074	087188013874	Bùi Thị Hồng	Phấn	Nữ	03/3/1988	Đồng Tháp	P.504-C1		12h30'		
3	000075	0021411638	Lê Văn Hữu	Phát	Nam	28/12/2003	Vĩnh Long	P.504-C1		12h40'		
4	000076	0021410672	Hồ Thị Tú	Phi	Nữ	16/5/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		12h40'		
5	000077	0021410676	Nguyễn Lê	Phil	Nam	03/8/2003	Cà Mau	P.504-C1		12h50'		
6	000078	0021410680	Mang Văn Hoàng	Phú	Nam	21/8/2003	Tây Ninh	P.504-C1		12h50'		
7	000079	0021413031	Huỳnh Thị Mai	Phuong	Nữ	21/8/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h00'		
8	000080	0021411668	Nguyễn Tấn	Quốc	Nam	09/9/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h00'		
9	000081	0021411687	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	06/01/2003	Cà Mau	P.504-C1		13h10'		
10	000082	0020410230	Huỳnh Minh	Tâm	Nam	15/11/2002	Đồng Tháp	P.504-C1		13h10'		
11	000083	0021413141	Đặng Minh	Thái	Nam	21/3/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h20'		
12	000084	0021410787	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	19/6/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h20'		
13	000085	0020410383	Nguyễn Thị Như	Thảo	Nữ	15/02/2002	Đồng Tháp	P.504-C1		13h30'		
14	000086	0021410827	Trương Trọng	Thảo	Nam	28/12/2003	Tiền Giang	P.504-C1		13h30'		
15	000087	0021410856	Huỳnh Thị Minh	Thư	Nữ	16/02/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h40'		
16	000088	0021410880	Phan Minh	Thư	Nữ	19/10/2003	An Giang	P.504-C1		13h40'		
17	000089	0021410887	Võ Thị Anh	Thư	Nữ	21/12/2003	Vĩnh Long	P.504-C1		13h50'		
18	000090	0021413296	Huỳnh Hòa	Thuận	Nam	11/11/2003	Bến Tre	P.504-C1		13h50'		
19	000091	0020410256	Nguy Hữu	Thuyết	Nam	07/7/2000	Đồng Tháp	P.504-C1		14h00'		
20	000092	0021410900	Đặng Thị Hạ	Thy	Nữ	01/9/2003	Bến Tre	P.504-C1		14h00'		
21	000093	0021410916	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Nữ	11/10/2001	Long An	P.504-C1		14h10'		
22	000094	0021310057	Võ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	24/5/2002	Đồng Tháp	P.504-C1		14h10'		
23	000095	0021310107	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	Nữ	17/5/2000	An Giang	P.504-C1		14h20'		
24	000096	0021310062	Phạm Thị Huyền	Trân	Nữ	11/8/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		14h20'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 73, ngày 10/12/2022

PHÒNG THI SỐ: 05

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000097	0021410947	Nguyễn Thị Thiên Trang	Nữ	14/8/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1
2	000098	0021411863	Trần Ngọc Trang	Nữ	22/10/2003	TP HCM	P.505-C1			12h30'	
3	000099	0021410962	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	31/01/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			12h40'	
4	000100	0021411884	Lê Thị Nhã Trúc	Nữ	30/5/2002	Trà Vinh	P.505-C1			12h40'	
5	000101	0014412366	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	11/12/1995	Đồng Tháp	P.505-C1			12h50'	
6	000102	0016410481	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	26/02/1998	Đồng Tháp	P.505-C1			12h50'	
7	000103	0015410314	Võ Quốc Tuấn	Nam	01/01/1997	An Giang	P.505-C1			13h00'	
8	000104	0021413521	Võ Quan Tường	Nam	18/5/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			13h00'	
9	000105	0021411017	Trần Thị Ngọc Tuyền	Nữ	15/11/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			13h10'	
10	000106	0021411947	Nguyễn Trung Vinh	Nam	30/3/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			13h10'	
11	000107	0021411086	Phạm Thị Như Ý	Nữ	03/02/2002	Đồng Tháp	P.505-C1			13h20'	
12	000108	0021411094	Lê Thị Hải Yến	Nữ	29/7/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			13h20'	
13	000109	0021413688	Trần Thị Thảo Yến	Nữ	14/02/2003	An Giang	P.505-C1			13h30'	
14	000110	0021413805	Huỳnh Thị Hiền Chi	Nữ	16/12/2003	Kiên Giang	BL	505	BL	BL	
15	000111	0020410373	Đoàn Vĩnh Cơ	Nam	11/10/2002	Tiền Giang	505	505	BL	BL	
16	000112	0021412539	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	08/9/2003	Đồng Tháp	BL	505	BL	BL	
17	000113	0021411628	Lê Hoàng Nhựt	Nam	09/9/2003	Đồng Tháp	BL	505	BL	13h30'	
18	000114	0021411750	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	04/7/2003	Đồng Tháp	505	505	BL	BL	
19	000115	0021413409	Nguyễn Thị Huyền Trân	Nữ	19/8/2003	Vĩnh Long	505	505	BL	13h40'	
20	000116	0021411898	Nguyễn Nhựt Trường	Nam	10/5/2002	Đồng Tháp	BL	505	BL	13h40'	
21	000117	0020410435	Nguyễn Thị Vàng	Nữ	15/11/2001	Đồng Tháp	BL	505	BL	13h50'	

Tổng số thí sinh: 21



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 73, ngày 10/12/2022

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0021412036	Lê Nhật	Anh	Nam	07/10/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000002	0019410573	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	20/02/2000	Đồng Tháp	P.507-C1		12h30'		
3	000003	0019410613	Trần Thị Mai	Anh	Nữ	8/9/2001	Đồng Tháp	P.507-C1		12h40'		
4	000004	0019410879	Võ Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	20/8/1998	Đồng Tháp	P.507-C1		12h40'		
5	000005	0021412157	Huỳnh Thành	Danh	Nam	15/12/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		12h50'		
6	000006	0019410467	Phùng Minh	Duy	Nam	20/9/2001	Đồng Tháp	P.507-C1		12h50'		
7	000007	0021410156	Võ Thị Ý	Duy	Nữ	30/05/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		13h00'		
8	000008	0019410549	Nguyễn Kim	Duyên	Nữ	08/8/2001	Đồng Tháp	P.507-C1		13h00'		
9	000009	0020410967	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	26/10/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h10'		
10	000010	0020410909	Phạm Thị Ngọc	Hân	Nữ	15/8/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h10'		
11	000011	0019410658	Trịnh Kiều	Hân	Nữ	29/10/2001	Cà Mau	P.507-C1		13h20'		
12	000012	0021412363	Nguyễn Thanh	Hào	Nam	18/01/2003	An Giang	P.507-C1		13h20'		
13	000013	0021413714	Lê Phúc	Hiền	Nữ	21/06/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		13h30'		
14	000014	0020411114	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	07/8/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h30'		
15	000015	0020410395	Lê Hiền Quốc	Huy	Nam	04/05/2002	Tây Ninh	P.507-C1		13h40'		
16	000016	0020410849	Trần Ngọc Kim	Khuê	Nữ	09/01/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		13h40'		
17	000017	0020411110	Lâm Thị Thu	Kiều	Nữ	26/3/2002	Kiên Giang	P.507-C1		13h50'		
18	000018	0019410609	Đào Thiên	Kim	Nữ	30/10/2001	Đồng Tháp	P.507-C1		13h50'		
19	000019	0019410286	Dương Quốc	Lam	Nam	24/11/2001	Cà Mau	P.507-C1		14h00'		
20	000020	0021412651	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	05/08/2003	Đồng Tháp	P.507-C1		14h00'		
21	000021	0021410465	Đỗ Thị Thuý	Ngân	Nữ	06/07/2002	Đồng Tháp	P.507-C1		14h10'		
22	000022	0020411000	Lê Trương Hoài	Ngọc	Nữ	18/10/2002	Tiền Giang	P.507-C1		14h10'		

Tổng số thí sinh: 22



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 73, ngày 10/12/2022

PHÒNG THI SỐ: 02

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
							Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
										Giờ thi	Địa điểm
1	000023	0021412787	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	Nữ	22/10/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000024	0021410560	Nguyễn Lê Hồng Nhân	Nam	06/11/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		12h30'		
3	000025	0019410239	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	16/5/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		12h40'		
4	000026	0019410517	Đoàn Thị Bích Phượng	Nữ	06/9/2001	Kiên Giang	P.508-C1		12h40'		
5	000027	0020411171	Lại Như Phượng	Nữ	02/10/2002	Đắk Lắk	P.508-C1		12h50'		
6	000028	0020410855	Nguyễn Thị Sơn	Nữ	29/10/2000	Bến Tre	P.508-C1		12h50'		
7	000029	0021410758	Nguyễn Tú Y Sơn	Nữ	07/10/2003	Tiền Giang	P.508-C1		13h00'		
8	000030	0021413114	Trần Ngọc Thảo Sương	Nữ	01/01/2003	Vĩnh Long	P.508-C1		13h00'		
9	000031	0019410509	Nguyễn Phát Tài	Nam	16/7/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h10'		
10	000032	0019410214	Bùi Thị Thu Thanh	Nữ	30/4/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h10'		
11	000033	0020410992	Trần Phương Thảo	Nữ	16/01/2002	Long An	P.508-C1		13h20'		
12	000034	0019410276	Lê Thị Trang Thư	Nữ	04/01/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h20'		
13	000035	0019410275	Nguyễn Minh Thuần	Nam	06/9/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h30'		
14	000036	0020410794	Nguyễn Thị Thu Tiên	Nữ	20/08/2001	Long An	P.508-C1		13h30'		
15	000037	0019410656	Trương Đức Toàn	Nam	09/8/2000	Đồng Tháp	P.508-C1		13h40'		
16	000038	0019410242	Huỳnh Thị Bảo Trân	Nữ	30/12/2001	Đồng Tháp	P.508-C1		13h40'		
17	000039	0021411881	Phạm Thị Trinh	Nữ	04/05/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		13h50'		
18	000040	0020410006	Dương Bảo Cát Tường	Nữ	13/10/2002	An Giang	P.508-C1		13h50'		
19	000041	0020411082	Lê Vy	Nữ	12/02/2002	Vĩnh Long	P.508-C1		14h00'		
20	000042	0020410800	Trần Như Ý	Nữ	18/02/2002	Đồng Tháp	P.508-C1		14h00'		
21	000043	0021413647	Võ Ngọc Ý	Nữ	05/02/2003	Đồng Tháp	P.508-C1		14h10'		
22	000044	0021413652	Dương Ngọc Yến	Nữ	06/08/2003	Long An	P.508-C1		14h10'		

Tổng số thí sinh: 22

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
								Số	Chữ	
1	001	0022411411	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	Nữ	16/9/2004	TP. Hồ Chí Minh				
2	002	0022411751	Lưu Xuân Anh	Nữ	20/02/2004	Đồng Tháp				
3	003	0022410353	Nguyễn Đặng Trâm Anh	Nữ	23/9/2004	Bến Tre				
4	004	0022412408	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	27/11/2004	Đồng Tháp				
5	005	0022411943	Phan Thị Ngọc Ánh	Nữ	02/11/2004	Tiền Giang				
6	006	0020410949	Nguyễn Thị Huế Chân	Nữ	06/9/2002	An Giang				
7	007	0020410373	Đoàn Vĩnh Cơ	Nam	11/10/2002	Tiền Giang				
8	008	0021412148	Võ Tâm Đan	Nữ	07/11/2003	Bến Tre				
9	009	0018410504	Lê Thái Hoa Đang	Nữ	17/02/1986	Đồng Tháp				
10	010	0021412166	Lý Ngọc Đạt	Nam	09/4/2003	Bạc Liêu				
11	011	0021411204	Đào Quốc Đĩnh	Nam	21/4/2003	Đồng Tháp				
12	012	087082021882	Nguyễn Minh Đông	Nam	01/7/1982	Đồng Tháp				
13	013	0022410689	Lê Huỳnh Đức	Nam	09/12/2003	Cà Mau				
14	014	0019410779	Đặng Hồng Duy	Nam	12/10/2001	Đồng Tháp				
15	015	0022412629	Phan Khánh Duy	Nam	21/10/2004	Cà Mau				
16	016	0022410347	Trần Thúy Duy	Nữ	22/8/2004	Đồng Tháp				
17	017	0019410528	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	08/9/2001	Đồng Tháp				
18	018	0022410671	Nguyễn Thị Trúc Giang	Nữ	17/8/2004	Đồng Tháp				
19	019	0021412293	Huỳnh Nguyễn Khánh Giao	Nữ	14/8/2003	Tiền Giang				
20	020	0022410295	Cao Văn Giàu	Nam	17/4/2004	Cần Thơ				
21	021	0022412710	Châu Sơn Hải	Nam	31/10/2004	Cà Mau				
22	022	0022411345	Trần Ngọc Hải	Nam	09/11/2004	TP. Hồ Chí Minh				
23	023	087197013830	Ngô Thị Ngọc Hân	Nữ	02/12/1997	Đồng Tháp				
24	024	087197006321	Phan Thị Ngọc Hằng	Nữ	01/4/1997	Đồng Tháp				
25	025	0021412361	Lâm Nhựt Hào	Nam	07/7/2003	Đồng Tháp				
26	026	0021412368	Nguyễn Thị Ngọc Hào	Nữ	08/11/2003	Đồng Tháp				
27	027	0021410233	Lê Nhan Phúc Hậu	Nam	17/7/2003	An Giang				
28	028	0021412372	Nguyễn Khắc Hậu	Nam	16/12/2003	Đồng Tháp				
29	029	0022410930	Mã Yến Hương	Nữ	23/8/2004	Long An				
30	030	0022410853	Lê Diệu Hường	Nữ	26/01/2004	Kiên Giang				
31	031	0022412357	Hồ Hoàng Huy	Nam	17/3/2004	Đồng Tháp				
32	032	087204001032	Nguyễn Đăng Huy	Nam	05/8/2004	Đồng Tháp				
33	033	087189021505	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	01/01/1989	An Giang				

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
								Số	Chữ	
1	034	0022412584	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	07/12/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu				
2	035	0022410102	Lê Thị Thúy Huỳnh	Nữ	08/7/2004	Đồng Tháp				
3	036	0022410611	Lê Vĩnh Khang	Nam	23/10/2004	Đồng Tháp				
4	037	0022410788	Lê Trần Bảo Khanh	Nữ	22/9/2004	Kiên Giang				
5	038	0022410962	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	24/5/2002	Tiền Giang				
6	039	0022411463	Hà Đăng Khoa	Nam	11/4/2004	Đồng Tháp				
7	040	0022410066	Nguyễn Lê Nhật Khoa	Nam	20/9/2004	Đồng Tháp				
8	041	0022411072	Trần Đăng Khoa	Nam	25/10/1996	Đồng Tháp				
9	042	0022412599	Lê Nguyễn Anh Khôi	Nam	19/7/2004	Sóc Trăng				
10	043	0022410507	Lưu Gia Kiệt	Nam	18/9/2004	Đồng Tháp				
11	044	0021412548	Đặng Châu Ngọc Kim	Nữ	25/10/2003	Tiền Giang				
12	045	0019410829	Hồ Đắc Hoàng Kim	Nữ	31/5/2001	Đồng Tháp				
13	046	0022410293	Đặng Tiểu Lam	Nữ	05/12/2004	Đồng Tháp				
14	047	0021411408	Trần Thị Mỹ Lệ	Nữ	19/7/2003	Long An				
15	048	0022410933	Từ Bảo Liên	Nữ	20/6/2004	An Giang				
16	049	0022412497	Lê Phạm Gia Linh	Nữ	09/8/2004	Cần Thơ				
17	050	0022411944	Nguyễn Thị Lam Linh	Nữ	02/12/2004	Tiền Giang				
18	051	0021411426	Trương Thị Trúc Linh	Nữ	23/6/2003	Long An				
19	052	0021412607	Hồ Tấn Lộc	Nam	31/12/2003	Bến Tre				
20	053	0019410853	Huỳnh Chí Lộc	Nam	04/3/2001	Đồng Tháp				
21	054	0022410888	Ngô Nguyễn Tấn Lộc	Nam	10/11/2004	Vĩnh Long				
22	055	0021412650	Nguyễn Thị Xuân Mai	Nữ	04/4/2003	Đồng Tháp				
23	056	0021412661	Đoàn Duy Mẫn	Nam	28/02/2003	Tiền Giang				
24	057	0021412684	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	13/9/2003	Đồng Tháp				
25	058	0022410109	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	Nữ	17/3/2004	Tiền Giang				
26	059	0019410505	Phan Thị Thúy Ngân	Nữ	11/01/2001	Đồng Tháp				
27	060	0021412746	Trần Kim Ngân	Nữ	08/3/2003	Đồng Tháp				
28	061	087304000621	Trần Thị Phương Nghi	Nữ	18/02/2004	Đồng Tháp				
29	062	0021411535	Lưu Huyền Ngọc	Nữ	12/02/2003	Tiền Giang				
30	063	0022410607	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	28/01/2004	Đồng Tháp				
31	064	0022410633	Trần Khánh Nguyên	Nam	20/10/2004	Kiên Giang				
32	065	089304002245	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	09/10/2004	An Giang				
33	066	0021412826	Lê Thanh Nhã	Nữ	07/3/2003	Kiên Giang				

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
									Số	Chữ	
1	067	0021412834	Lê Trọng	Nhân	Nam	11/12/2003	Cần Thơ				
2	068	087304015988	Trần Kim	Nhân	Nữ	03/11/2004	Đồng Tháp				
3	069	0020410135	Huỳnh Ngọc	Nhi	Nữ	07/5/2002	Vĩnh Long				
4	070	0021412863	Huỳnh Thị Thiên	Nhi	Nữ	17/02/2003	Đồng Tháp				
5	071	0021412865	Lâm Thị Yến	Nhi	Nữ	14/02/2003	Đồng Tháp				
6	072	0022411184	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	03/01/2002	Đồng Tháp				
7	073	087303004383	Trần Mẫn	Nhi	Nữ	28/11/2003	Đồng Tháp				
8	074	0022410106	Nguyễn Thị Hồng	Như	Nữ	21/10/2004	Long An				
9	075	0018412157	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	02/04/2000	Đồng Tháp				
10	076	0022410709	Phan Thái Bích	Nhung	Nữ	30/10/2004	Đồng Tháp				
11	077	0022410720	Võ Minh	Nhựt	Nam	23/4/2004	Đồng Tháp				
12	078	0022410752	Đậu Thị Kiều	Oanh	Nữ	30/10/2003	Đồng Nai				
13	079	0022411436	Lê Diên	Phú	Nam	26/9/2004	Bến Tre				
14	080	0022410876	Nguyễn Hữu Thiên	Phúc	Nam	22/11/2004	Tiền Giang				
15	081	0022411593	Phan Hoàng	Phúc	Nam	09/01/2004	Đồng Tháp				
16	082	0022410542	Lê Trọng	Quân	Nam	28/4/1997	Đồng Tháp				
17	083	0022411189	Phú Minh	Quân	Nam	24/11/2004	Đồng Tháp				
18	084	0022411188	Nguyễn Thị Khánh	Quyên	Nữ	13/01/2004	Đồng Tháp				
19	085	0022412575	Phạm Ngọc	Quyên	Nữ	30/4/2004	Đồng Tháp				
20	086	0019410413	Nguyễn Chí	Tân	Nam	15/3/2001	Đồng Tháp				
21	087	0020410888	Phạm Đình	Tập	Nam	03/9/2002	Kiên Giang				
22	088	0018410120	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	01/9/2000	Đồng Tháp				
23	089	0022410614	Nguyễn Trần Quốc	Thái	Nam	22/12/2004	Kiên Giang				
24	090	0022411669	Hồ Phước	Thanh	Nam	17/4/1985	Đồng Tháp				
25	091	0022411131	Đỗ Thị Thanh	Thảo	Nữ	30/9/2004	Đồng Tháp				
26	092	0020411121	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	08/12/2002	Đồng Tháp				
27	093	0021413215	Lê Thanh	Thiên	Nam	03/11/2003	Trà Vinh				
28	094	0022410938	Nguyễn Hữu	Thịnh	Nam	22/10/2004	Đồng Tháp				
29	095	0021411771	Huỳnh Thị Nhã	Thơ	Nữ	10/12/2003	Đồng Tháp				
30	096	0022410017	Nguyễn Văn	Thọ	Nam	07/02/2004	TP. Hồ Chí Minh				
31	097	0022411898	Trương Thị Bé	Thon	Nữ	01/01/2004	Cà Mau				
32	098	0021413260	Lê Nguyễn Anh	Thư	Nữ	29/8/2003	Tiền Giang				
33	099	0022410813	Phan Nguyễn Anh	Thư	Nữ	21/7/2004	Đồng Tháp				
34	100	0022410327	Trần Anh	Thư	Nữ	09/6/2004	Cà Mau				

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Mã đề, Số máy	Điểm		Ký tên
								Số	Chữ	
1	101	0021410890	Phan Thị Ngọc Thuận	Nữ	20/02/2003	Đồng Tháp				
2	102	0022410084	Nguyễn Thị Thương	Nữ	05/12/2002	Đồng Tháp				
3	103	0021411817	Hồng Minh Tì	Nam	24/9/2003	Cà Mau				
4	104	0022410583	Đào Nguyễn Dũng Tiến	Nam	16/02/2004	Đồng Tháp				
5	105	0022412697	Hà Trung Tín	Nam	12/01/2004	Đồng Tháp				
6	106	0022410031	Đoàn Thị Ngọc Trâm	Nữ	24/3/2004	Vĩnh Long				
7	107	0022410121	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	17/4/2004	Đồng Tháp				
8	108	0022410400	Trần Thị Quế Trân	Nữ	12/4/2004	Vĩnh Long				
9	109	0022410713	Nguyễn Thị Việt Trinh	Nữ	09/8/2004	Đồng Tháp				
10	110	0022410513	Võ Lưu Diễm Trinh	Nữ	09/10/2004	Đồng Tháp				
11	111	0022410117	Trần Kiều Thanh Trúc	Nữ	16/6/2004	Đồng Tháp				
12	112	0022410810	Võ Nguyễn Ngọc Trúc	Nữ	15/4/2004	An Giang				
13	113	0019410628	Lương Thị Cẩm Tú	Nữ	29/12/2001	Đồng Tháp				
14	114	0022410850	Đặng Thị Lan Tường	Nữ	05/3/2004	Đồng Tháp				
15	115	0022410839	Trang Minh Tường	Nam	10/12/2004	Đồng Tháp				
16	116	0022410820	Lê Thị Mỹ Tuyên	Nữ	04/5/2004	Đồng Tháp				
17	117	0022410354	Hồ Thị Bích Tuyền	Nữ	12/12/2004	Cần Thơ				
18	118	0021411919	Phạm Thị Bích Tuyền	Nữ	03/5/2003	Long An				
19	119	0021413531	Phan Ngọc Kim Tuyền	Nữ	10/8/2003	Long An				
20	120	0022410937	Lê Ngọc Phương Uyên	Nữ	21/8/2004	Long An				
21	121	0020410648	Trần Thị Yến Vi	Nữ	10/10/2002	Đồng Tháp				
22	122	0022410722	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	18/7/2004	Đồng Tháp				
23	123	0022411912	Nguyễn Võ Thúy Vy	Nữ	26/3/2004	Đồng Tháp				
24	124	0022411005	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	25/10/2004	Đồng Tháp				
25	125	0021413644	Thái Thị Như Ý	Nữ	05/10/2003	Cà Mau				
26	126	0019410521	Nguyễn Hồ Kim Ái	Nữ	11/02/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
27	127	0021411105	Lê Nhật Hoài An	Nam	28/4/2003	Tiền Giang	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
28	128	0018410534	Nguyễn Thị Bùi	Nữ	22/01/2000	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
29	129	0020411182	Lương Thị Ngọc Huyền	Nữ	13/01/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
30	130	0020410461	Võ Tuấn Kiệt	Nam	19/7/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
31	131	0019410548	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	31/12/2001	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
32	132	0019410148	Nguyễn Thanh Trí	Nam	22/8/2000	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
33	133	0020410186	Nguyễn Thị Mỹ Trúc	Nữ	28/8/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
34	134	0021411970	Lê Thị Xuyên	Nữ	07/5/2003	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
35	135	0020411247	Nguyễn Như Ý	Nữ	21/11/2002	Đồng Tháp	Thi lại Lý thuyết, Bảo lưu Thực hành			
36	136	0019410437	Lê Thị Hạnh Nhi	Nữ	17/8/2001	Đồng Tháp	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			
37	137	0015412212	Trương Nguyễn Anh Thư	Nữ	06/8/1997	Long An	Bảo lưu Lý thuyết , Thi lại Thực hành			